

**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CUỐI NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

*Đơn vị: Triệu đồng.*

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2022			Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2022			Giảm	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>7.481.382</b>	<b>7.393.882</b>	<b>87.500</b>	<b>7.261.382</b>	<b>7.173.882</b>	<b>87.500</b>	<b>220.000</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	<b>6.128.366</b>	<b>6.109.766</b>	<b>18.600</b>	<b>5.908.366</b>	<b>5.889.766</b>	<b>18.600</b>	<b>220.000</b>	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	507.840	507.840		507.840	507.840			
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	4.738.326	4.738.326	-	4.518.326	4.518.326	-	220.000	
	Khối tỉnh	2.146.030	2.146.030		1.926.030	1.926.030		220.000	
	Khối huyện	2.592.296	2.592.296		2.592.296	2.592.296			
3	Đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	833.600	833.600		833.600	833.600			
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	18.600		18.600	18.600		18.600		Tình vay lại TW vốn ADB của dự án Minh Lập-Lộc Hiệp
5	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	30.000	30.000		30.000	30.000			
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	<b>1.353.016</b>	<b>1.284.116</b>	<b>68.900</b>	<b>1.353.016</b>	<b>1.284.116</b>	<b>68.900</b>	<b>-</b>	
1	Vốn trong nước	1.284.116	1.284.116		1.284.116	1.284.116			
	Trong đó:								
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	156.060	156.060		156.060	156.060			
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	876	876		876	876			
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	127.180	127.180		127.180	127.180			
2	Vốn nước ngoài	68.900		68.900	68.900		68.900		